

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 – 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Minh Hoàng.
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Tú – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2025/TLST - HNGĐ ngày 05/3/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp Gò Công Đ, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ hiện tại: ấp Kinh Hòn B, xã Khánh Bình T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp Gò Công Đ, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Huỳnh Thị D và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng theo chị D trình bày đến khoảng năm 2019, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung, chị Huỳnh Thị D khai chị và anh T chung sống với nhau có 03 người con là Trần Quốc Khải, sinh ngày 05/01/2007; Trần Triệu Dĩ, sinh ngày

11/9/2009 và Trần Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 11/11/2012. Hiện cháu Khải đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, chị D không yêu cầu gì về con. Riêng cháu Dĩ, cháu Trâm đang sống chung với anh T nên khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi các con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị D yêu cầu được nuôi cháu Dĩ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Trâm cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Dĩ có ý kiến được chung sống với chị D, cháu Trâm có ý kiến được sống chung với anh T khi chị D và anh T ly hôn với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Huỳnh Thị D khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn T (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bị đơn không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân được chấp nhận. Cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, hiện nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Trường hợp Tòa án không giải quyết cho nguyên đơn ly hôn, nguyên đơn cũng không trở về chung sống với bị đơn. Do đó, có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc dù, anh Thơ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nhưng cháu Trâm hiện đang chung sống cùng anh Thơ đã ổn định, việc chị D và anh T ly hôn đã phần nào làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Hơn nữa, chị D cũng tự nguyện giao cháu Trâm cho anh T nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Trâm cũng muốn được chung sống với anh T. Riêng cháu Dĩ, chị D có yêu cầu được nuôi, yêu cầu trên của chị D phù hợp với nguyện vọng của cháu Dĩ. Do đó, để giảm bớt việc ảnh hưởng tâm lý, việc học tập và xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu nên yêu cầu về con của chị D được chấp nhận. Đối với cháu Khải hiện

đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, chị D không đặt ra yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị D biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng chị D cho rằng chị đủ điều kiện chăm lo cuộc sống của cháu Dĩ nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trâm, chị D sẽ tự cấp dưỡng riêng cho con nên đề nghị Tòa án không ghi nhận trong bản án – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của chị D nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị D về việc xin ly hôn anh Trần Văn T.
- Về con chung là Trần Quốc Khái, sinh ngày 05/01/2007; Trần Triệu Dĩ, sinh ngày 11/9/2009 và Trần Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 11/11/2012. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Dĩ cho chị Huỳnh Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trâm cho anh Trần Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm anh T cùng chị D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Khái đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, chị D không đặt ra yêu cầu gì nên không xem xét.

Anh T, chị D có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Huỳnh Thị D khai không có, nên không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Huỳnh Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 05/3/2025, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003891 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện kiểm sát cùng cấp;
 - UBND xã Nguyễn Việt K,
- H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)
Lâm Hoài Ân